

Bản án số: 279/2024/HC-PT

Ngày 08/5/2024

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 787/2023/HC-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4661/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số C, ngõ F, đường H, tổ C N, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số C, ngõ F, đường H, tổ C N, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quý L1, Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Tổ dân phố số B Đ, phường Đ, quận N, Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H, Chủ tịch UBND quận L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân T, Phó chủ tịch UBND quận L. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Duy A, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận L. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- UBND phường L, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1955;

- Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1976;

- Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số C, ngõ F, đường H, tổ C N, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện nộp ngày 14/12/2021 và trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm của nguyên đơn ông (Nguyễn Đình N), đại diện theo ủy quyền (anh Nguyễn Đình L) có nội dung:

- Ngày 03/11/2021, UBND quận L ban hành Quyết định số 6890/QĐ-UBND về việc thu hồi 139m² đất do hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình N đang sử dụng tại phường L, quận L, để thực hiện Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Dự án) và Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông bà. Cụ thể: UBND quận xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp, đã phê duyệt như sau:

Bồi thường về đất: Bồi thường theo giá đất nông nghiệp 252.000 đồng/m² theo quy định tại bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H. Số tiền bồi thường 139 x 252.000đ/m² = 35.028.000 đồng.

Bồi thường về tài sản trên đất: Nhà 01 tầng, tường 110 bề trụ, mái lợp tôn, tường cao dưới 3m, không có khu phụ, diện tích xây dựng 39m² và sân bê tông 100m² xây dựng thời điểm sau ngày 01/7/2004. Mức hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường (mức bồi thường bằng 60% giá trị xây mới, giá trị xây mới đối với nhà bằng 1.374.000 đồng/m², đối với sân bê tông bằng 293.000 đồng/m² theo phụ lục

3 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H). Số tiền được bồi thường 24.865.800 đồng.

Các khoản hỗ trợ khác: Hỗ trợ đào tạo nghề: 0 đồng; Thưởng tiền độ: 417.000 đồng.

Tổng số tiền đền bù hỗ trợ là 60.310.800 đồng (Sáu mươi triệu ba trăm mười nghìn tám trăm đồng).

Lý do khởi kiện:

- Việc thu hồi đất cho Dự án này không có căn cứ (Thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để tạo mặt bằng sạch, sau đó mới lập dự án bán đất thực chất là lách luật để thu hồi đất trái pháp luật, có dấu hiệu lợi ích nhóm và tham nhũng chính sách); vi phạm nghiêm trọng các quy định luật Đất đai do Hội đồng nhân dân thành phố H chưa có quyết nghị riêng về việc chấp thuận dự án và UBND thành phố H cũng chưa có quyết định thu hồi đất tổng thể, thành phố chưa có quyết định chấp thuận thực hiện các dự án; không đảm bảo tính công khai minh bạch dân chủ, công bằng; không thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai; chưa tiến hành các bước công khai công bố dự án, các chính sách về bồi thường, hỗ trợ, chưa kiểm đếm tài sản,...

- UBND quận L đã xác định sai về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, thời điểm làm nhà của hộ gia đình. Thực tế đất thu hồi của hộ gia đình 139 là đất ở có nguồn gốc được cấp đất giãn dân (cùng với nhiều gia đình khác cùng phạm vi GPMB) đã chuyển đổi mục đích làm nhà ở trước năm 1991; Ngoài ra, UBND kiểm đếm không đúng hiện trạng tài sản trên đất nên ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án là sai, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, người khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 9193/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình N, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện rút yêu cầu xem xét đối với Quyết định này.

Đại diện UBND quận L trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện:

UBND quận L đã ban hành Quyết định số 6890/QĐ- UBND ngày 03/11/2021 về việc thu hồi 139,0m² đất và Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Nguyễn Đình N trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai; đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai. UBND quận L không đồng ý hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc thu hồi đất và Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

UBND phường L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi là đất nông nghiệp được giao thời điểm năm 1987 (giao theo khoán 10) và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 (*danh sách giao mang tên ông Nguyễn Đình N thuộc đội sản xuất số 04, thôn N, xã L*). Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP tại **thôn N, xã L (nay là phường L)** không thực hiện việc rũ rời để chia lại đất, không chia lại đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Trong quá trình sử dụng, ông N đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình từ thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (*việc chuyển mục đích sử dụng đất không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và không vi xử lý vi phạm*) và tách một phần cho con là ông **Nguyễn Đình L**; sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.

Về công tác niêm yết công khai và bàn giao: UBND phường đã thực hiện công tác niêm yết công khai Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 và Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** thuộc dự án: Hoàn chỉnh HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m **phường L, quận L, thành phố Hà Nội** trên hệ thống đài truyền thanh của phường, tại Bảng tin của phường, Trụ sở các Tổ dân phố liên quan; đã thực hiện tổng đạt các Quyết định nêu trên đến ông **Nguyễn Đình N**. Đề nghị Tòa án xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà **X**, anh **L** chị **L2**) đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông **N**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 31/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Điều 66; Điều 69; Điều 75, Điều 82 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N đề nghị hủy các quyết định gồm: Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 139m² đất do ông Nguyễn Đình N đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày*

03/11/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Đình N trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 9193/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Đình N.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình N được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2023, ông Nguyễn Đình N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị UBND quận xem xét lại phương án tiền bồi thường với đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quyết định số 10/2017/UBND ngày 29/3/2027 của UBND thành phố H; rà soát và điều chỉnh bồi thường diện tích nhà xưởng trên 100m² gia đình đang ở, sinh hoạt, sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện không rút đơn khởi kiện.

Ông Nguyễn Đình L (đại diện của ông Nguyễn Đình N) và luật sư Nguyễn Quý L1 xác định không kháng cáo phần bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Quyết định số 9193/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất; giữ nguyên kháng cáo đối với phần bản án giải quyết về Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Lý do kháng cáo: UBND quận L xác định sai loại đất, sai nguồn gốc; kiểm đếm không đầy đủ, không đúng tài sản trên đất; không áp dụng chính sách hỗ trợ theo Quyết định của UBND thành phố H; do vậy đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 139m² đất và Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Đình N.

Ông Nguyễn Duy A trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND quận L với nội dung: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày về việc xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp, không phải đất ở. Về phương án bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ kết quả kiểm đếm lại, UBND quận chưa ban hành Quyết định bổ sung hỗ trợ do cần đợi kết quả xét xử của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã

được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án: UBND quận L không xác định đất thu hồi là đất ở hợp pháp, là đúng quy định của Luật đất đai. Không đủ cơ sở xác định đất hộ gia đình được giao là đất ở. Tuy nhiên, thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất trước 01/7/2004, nên hộ gia đình đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định của UBND thành phố H, UBND quận L không phê duyệt hỗ trợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N (hủy Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình N yêu cầu hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 139m² đất do ông Nguyễn Đình N đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Đình N trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Người khởi kiện có yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 9193/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Đình N, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông N đã rút yêu cầu, Bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định không kháng cáo phần bản án sơ thẩm đã đình chỉ này.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đình N:

[2.1] Về căn cứ UBND quận L ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường cho hộ gia đình, các tài liệu hồ sơ do người bị kiện cung cấp đã thể hiện:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018, Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố H; các quyết định của UBND thành phố H là Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 01/8/2018, Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 07/3/2019, Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12/3/2021;

Ngày 13/10/2017, **Hội đồng nhân dân quận L** đã phê duyệt chủ trương đầu tư theo Văn bản số 16/HĐ-TCKH đối với Dự án này.

Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỉ lệ 1/500 đối với Dự án do **Công ty Cổ phần Đ1** lập, đã được **UBND quận L** chấp thuận ngày 26/10/2017 và phù hợp với quy hoạch phân khu N10, tỉ lệ 1/2000 đã được **UBND Thành phố H** phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014.

Ngày 31/10/2017, **UBND quận L** ban hành Quyết định số 5473/QĐ-UBND phê duyệt Dự án.

Ngày 01/02/2018, **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H** ban hành Văn bản số 913/STNMT-CCQLĐĐ về việc hướng dẫn **UBND quận L** xác định mốc giới thực hiện Dự án.

Với các văn bản nêu trên, đủ cơ sở xác định Dự án thuộc trường hợp thu hồi đất vì lợi ích công cộng quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013. **UBND quận L** ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

[2.2] Đất gia đình ông **N** đang sử dụng thuộc phạm vi GPMB thực hiện Dự án. Tài liệu hồ sơ do **UBND quận L** cung cấp về trình tự thủ tục thu hồi đất đã thể hiện các Thông báo, Quyết định đều được gửi đến các hộ dân và niêm yết công khai theo quy định. Kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 10/12/2019 của tổ công tác giải phóng mặt bằng **phường L** cho thấy toàn bộ phần diện tích 139m² ông **N** đang sử dụng nằm trong ranh giới Dự án trên.

Do vậy, Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** thu hồi 139m² đất của ông **N** là đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông **N** đối với Quyết định này là đúng.

[2.4] Xét tính hợp pháp Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của **UBND quận L** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông **N**:

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông **N** cho rằng đất thu hồi có nguồn gốc là đất giãn dân được cấp từ những năm 1987 để làm nhà ở (cho những gia đình đông con và gia đình chính sách); gia đình ông đã làm nhà ở từ trước năm 1991 và đã nộp thuế đất phi nông nghiệp nhiều năm nay. Nhưng về giấy tờ thì ông chỉ cung cấp được Đơn đề nghị ngày 01/4/2017 có nội dung đề nghị các cán bộ **thôn N** cũ xác nhận về việc giao đất giãn dân và trong đơn có xác nhận của ông **T1**, bà **T2**, ông **C**, ông **H1** xác nhận về việc ông **N** được giao 240m² đất giãn dân tại xứ đồng Cửa Đền để làm nhà ở; cung cấp Vi bằng được lập ngày 10/01/2020 theo yêu cầu của bà **Thẩm Thị T3** thể hiện nội dung trao đổi của bà **Thẩm Thị T3**,

ông **Thảm Văn C1**, ông **Nguyễn Văn T4**, ông **Nguyễn Quốc Đ** và bà **Nguyễn Thị M** về chính sách giao đất giãn dân.

Trong khi đó, **UBND quận L** và **UBND phường L** căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, đều xác định thửa đất của ông **N** là thửa đất số 24-69 tờ bản đồ số 9, bản đồ **xã L** đo vẽ năm 1993 nguồn gốc là đất nông nghiệp giao khoảng năm 1987 (giao theo khoán và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 cho ông **N** thuộc đội sản xuất 04 **thôn N, xã L**). Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP, **thôn N, xã L (nay là phường L)** không thực hiện việc rũ rời để chia lại đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP. Gia đình ông **N** tiếp tục sử dụng ổn định khu đất trên từ khi giao. Quá trình sử dụng ông **N** đã tự chuyển đổi mục đích, xây dựng công trình tại khu vực đất trên, thời điểm xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 (không có hồ sơ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Hiện ông **N** sử dụng ổn định khu đất trên, không tranh chấp khiếu kiện và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, đủ cơ sở xác định đất thu hồi của ông **N** có nguồn gốc là đất nông nghiệp nhưng quá trình sử dụng, hộ gia đình đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng trước 01/7/2004; không phải là đất ở hợp pháp như ông **N** nêu.

- Tuy nhiên, về tài sản trên đất thu hồi, theo các tài liệu kiểm đếm tại các mốc thời gian khác nhau, thể hiện khác nhau:

Tại Biên bản cưỡng chế kiểm đếm ngày 10/12/2019 của Tổ công tác GPMB thì trên đất có: 39m² có nhà tạm và sân bê tông 100m². Quyết định số 6920/QĐ-UBND chỉ phê duyệt đối với 2 tài sản trên.

Biên bản kiểm tra hiện trạng kiểm đếm ngày 20/02/2022 của Tổ công tác GPMB của Dự án, lại thể hiện trên đất thu hồi có nhà 1 tầng mái tôn diện tích 12,25m²; gác xếp gỗ khung thép 18m², sân bê tông 126,75m²; mái vẩy tôn khung sắt trên diện tích 126,75m².

Tại biên bản thẩm định ngày 15/8/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm: *hiện trạng ông **N** đang sử dụng là ½ nhà tôn sắt; ½ còn lại đã bị giải tỏa. Trên diện tích bị giải tỏa là sân bê tông có 01 nhà cấp 4 bê tông...Phần còn lại chưa bị giải tỏa hiện làm nơi ở và sản xuất kinh doanh.*

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **UBND quận L** thừa nhận Biên bản kiểm đếm ngày 10/12/2019 thiếu tài sản nhưng cho đến nay vẫn chưa ban hành quyết định bổ sung thay thế do vụ án đang được Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, như trên đã phân tích, công trình xây dựng của hộ gia đình tạo lập trước ngày 01/7/2004 và không có văn bản xử lý của cơ quan có thẩm quyền. Quy định tại Điều 23 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của thành phố Hà Nội đã cho phép các trường hợp này được hưởng các hỗ trợ *đối với hộ gia đình cá nhân sử dụng đất nông nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi sau ngày*

15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004. UBND quận L không phê duyệt cho hộ gia đình hưởng hỗ trợ trên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông N.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, hủy Quyết định số 6920/QĐ-UBND của UBND quận L là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật.

[4] Ủy ban nhân dân quận L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 220, khoản 2 Điều 241, khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N về việc hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 139m² đất do ông Nguyễn Đình N đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N: Hủy Quyết định số 6920/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Đình N trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội. Buộc UBND quận L thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 9193/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Đình N.

2. Về án phí hành chính: Ủy ban nhân dân quận L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 08/5/2024.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Vân Hương